

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”);
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình;
- Nội dung và kết quả cuộc họp thường niên năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình tổ chức tại Văn phòng Công ty ICD Tân Cảng - Long Bình, Số 10, Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1.

Thông qua *Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch năm 2021*, với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả kinh doanh, đầu tư và tiền lương năm 2020:

1.1. Kết quả kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2020			Ghi chú
	Giá trị	% so với cùng kỳ	% so với KH	
Vốn điều lệ	245.022,45	100,0%	100,0%	
Vốn chủ sở hữu	393.648,80	102,7%	98,6%	
Tổng doanh thu	437.811,21	112,0%	107,5%	

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2020			Ghi chú
	Giá trị	% so với cùng kỳ	% so với KH	
Tổng chi phí	362.253,83	113,5%	108,1%	
Tổng LN trước thuế	75.557,38	105,5%	104,6%	
Tổng LN sau thuế	60.990,72	105,5%	104,2%	
Nộp ngân sách	61.331,83	144,6%	142,6%	
Tỷ suất LN/ Vốn điều lệ	24,89%		104,2%	

1.2. Kết quả đầu tư năm 2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư đã thực hiện			Thời gian đầu tư	Tình hình thực hiện
		Tổng	Vốn chủ sở hữu	Vốn huy động		
A	CSHT					
1	Cụm kho hóa chất	46.481	17.081	29.400	Quý 1 – 3 năm 2020	Hoàn thành 2 kho 15A và kho 5B. Riêng 5A chưa thực hiện
B	Trang thiết bị tài sản					
1	Hệ thống camera Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát an ninh (18 camera)	948,098	948,098		Quý 1/2020	Đã thực hiện
2	Nâng cấp hệ thống camera kho ngoại quan	1.007,48	1.007,48		Quý 2/2020	Đã thực hiện

1.3. Về lao động, tiền lương

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020
Người quản lý (chuyên trách)			
Quỹ lương	Triệu đồng	2.938,92	2.836,04
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	40,82	39,39
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	45,90	48,61
Người lao động			
Quỹ lương (*)	Triệu đồng	32.733,89	35.868,96
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	13,18	13,11
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	16,80	17,08

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và tiền lương 2021

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2021			Ghi chú
	Trị giá	So với cùng kỳ (số tuyệt đối)	So với cùng kỳ (số %)	
Vốn điều lệ	245.022,45	-	100,0%	
Vốn chủ sở hữu	420.960,05	27.311,25	106,9%	
Tổng doanh thu	484.559,45	46.748,24	110,7%	
Tổng chi phí	403.921,79	41.667,96	111,5%	
Tổng LN trước thuế	80.637,66	5.080,28	106,7%	
Tổng LN sau thuế	65.243,91	4.253,19	107,0%	
Nộp ngân sách	56.850,84	(4.480,99)	92,7%	
Tỷ suất LN/ Vốn điều lệ	26,63%	0,02	107,0%	

2.2. Kế hoạch đầu tư:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
A	CSHT			
1	Kho số 24 và 25	268.939,20	Trong năm 2020 chuyển sang năm 2021	

STT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
B	Trang thiết bị tài sản			
1	Xe nâng container	13.000,00	Quý 3/2021	
2	Xe nâng kho	10.100,00	Quý 3, 4/2021	
3	Hệ thống kiểm soát an ninh. CNTT trong quản trị, khai thác	7.345,52	Quý 2, 3/2021	Bao gồm năm 2020 chuyển sang
	Cộng	299.384,71		

2.3. Lao động tiền lương

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
Người quản lý (Người chuyên trách)			
Quỹ lương	Triệu đồng	2.836,04	3.308,76
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	39,39	39,39
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	48,61	48,89
Người lao động			
Quỹ lương	Triệu đồng	35.868,96	38.257,92
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	13,11	13,12
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	17,08	17,58

3. Ủy quyền đối với kế hoạch, chủ trương đầu tư:

- Đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị chủ động thực hiện, thông qua quyết định đầu tư và triển khai.
- Hội đồng quản trị, Giám đốc chủ động lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư nêu trên; thời điểm thực hiện dự án, tất cả các thủ tục khác có liên quan đến đầu tư, xây dựng... triển khai dự án
- Trong quá trình thực hiện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc căn cứ vào thẩm quyền theo Điều lệ Công ty được quyền ký tất cả các văn bản, chứng từ, hợp đồng liên quan đến thực hiện các dự án nêu trên.
- Đối với các trường hợp đầu tư phát sinh vay vốn tại các tổ chức tín dụng, Ủy quyền Giám đốc thỏa thuận, lựa chọn tổ chức tín dụng để bảo đảm nguồn vốn cho thực hiện các dự án đầu tư nêu trên (bao gồm cả việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các chứng từ khác theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của tổ chức tín dụng liên quan đến các khoản vay nêu trên). Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện.

- Giao Chủ tịch HĐQT, Giám đốc tự cân đối nguồn vốn (vốn tự có, vốn vay, vốn đối ứng của khách hàng, đối tác liên quan), bảo đảm hiệu quả đầu tư và không ảnh hưởng đến nguồn tài chính và hoạt động kinh doanh Công ty.
- Công tác triển khai, thực hiện đầu tư tuân thủ theo Điều lệ công ty và Quy chế hiện hành của Công ty Mẹ (Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn) và Công ty.

Điều 2.

Thông qua *Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021.*

Điều 3.

Thông qua *Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty và kết quả hoạt động của BKS.*

Điều 4.

Thông qua *Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất).*

Điều 5.

Thông qua *miễn nhiệm thành viên HĐQT:*

- Ông Phạm Duy Tân
- Bà Hoàng Thị Hiền

Điều 6.

Thông qua *kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cụ thể:*

- 1/ Thành viên Hội đồng quản trị
 - Ông Phạm Văn Phòng
- 2/ Thành viên Ban Kiểm soát
 - Ông Thái Hoàng Lam

Nhiệm kỳ của mục 1, 2: theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Điều 7.

Thông qua *Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2020 và kế hoạch năm 2021* với một số nội dung chính như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ trích
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60.990.721.688	

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ trích
2	Quỹ đầu tư phát triển	14.901.929.132	24,43%
3	Quỹ khen thưởng	5.987.280.000	9,82%
4	Quỹ phúc lợi	2.993.640.000	4,91%
5	Quỹ khen thưởng Người quản lý	354.505.056	0,58%
6	Cổ tức (15%/ vốn điều lệ)	36.753.367.500	60,26%
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	0	0

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 (bao gồm cả thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, thời điểm và địa điểm chi trả cổ tức, lựa chọn đơn vị tư vấn để thực hiện chi trả cổ tức (nếu có) theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty), sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

2. Kế hoạch năm 2021

- Cổ tức: **15%/vốn điều lệ.**

- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động:

+ Trích 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của lương người lao động trường hợp Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh.

Và trường hợp lợi nhuận vượt kế hoạch thì ngoài khoản trích nêu trên, trích thêm 20% phần lợi nhuận vượt nhưng tối đa không quá 3 tháng lương bình quân. Tỷ lệ cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất thông qua Đại hội đồng cổ đông.

+ Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động nhân với tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch.

- Quỹ thưởng cho Người quản lý: 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách với điều kiện lợi nhuận sau thuế thực hiện tối thiểu bằng kế hoạch.

- Quỹ đầu tư phát triển: phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản cổ tức, thù lao và các quỹ khen thưởng, phúc lợi, tối đa không vượt quá 30% Lợi nhuận sau thuế.

Điều 8.

Thông qua *Tờ trình v/v lương, thù lao của HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị Công ty và Quỹ khen thưởng người quản lý năm 2020 và kế hoạch năm 2021* như sau:

1. Kết quả thực hiện trong năm 2020

1.1. Lương, thù lao HĐQT, BKS

STT	Ban điều hành	Số lượng	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
A	Lương				
1	Chủ tịch HĐQT	01	720.000.000	680.843.000	Không bao gồm Quỹ thưởng
2	Giám đốc kiêm HĐQT	01	600.000.000	551.431.010	Không bao gồm Quỹ thưởng
3	Trưởng BKS	01	420.000.000	353.583.118	Không bao gồm Quỹ thưởng
B	Thù lao		150.000.000	138.000.000	
I	Hội đồng quản trị		126.000.000	126.000.000	
1	Chủ tịch	01	0	0	Hưởng lương theo chế độ tiền lương tiền thưởng
2	Thành viên	03	126.000.000	126.000.000	Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc không hưởng thù lao, hưởng theo lương, thưởng của Người quản lý
II	Ban kiểm soát		24.000.000	12.000.000	
1	Trưởng ban	01		0	Hưởng theo chế độ tiền lương, tiền thưởng
2	Thành viên	02	24.000.000	12.000.000	Do khuyết 1 thành viên Ban kiểm soát

Nguồn: + Lương chuyên trách: Quỹ lương Người quản lý

+ Thù lao: Chi phí thù lao

1.2. Quỹ khen thưởng Người quản lý 2020: 354.505.056 đồng.

2. Kế hoạch năm 2021

2.1. Mức lương, Thù lao của HĐQT, BKS và Người phụ trách quản trị

STT	Ban điều hành	Số lượng	Mức người/năm	Tổng	Ghi chú
A	Lương chuyên trách				
1	Chủ tịch HĐQT	01	720.000.000	720.000.000	Ghi nhận trong Quỹ lương Người quản lý
2	Giám đốc kiêm TV HĐQT	01	650.000.000	650.000.000	Ghi nhận trong Quỹ lương Người quản lý
2	Trưởng BKS	01	420.000.000	420.000.000	Ghi nhận trong Quỹ lương Người quản lý
B	Thù lao			150.000.000	
I	Hội đồng quản trị			126.000.000	
1	Chủ tịch	01	0	0	Hưởng lương theo chế độ tiền lương tiền thưởng
2	Thành viên	03	42.000.000	126.000.000	Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc không hưởng thù lao, hưởng theo lương, thưởng của Người quản lý
II	Ban kiểm soát	03		24.000.000	
1	Trưởng ban	01		0	Hưởng theo chế độ tiền lương, tiền thưởng
2	Thành viên	02	12.000.000	24.000.000	

Đối với Người phụ trách quản trị Công ty: mức thù lao 24 triệu đồng/năm, trích từ chi phí hoạt động kinh doanh.

Tiền lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc kiêm TV HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát trong 2021:

- Thực hiện quy định v/v chế độ tiền lương của Người quản lý chuyên trách theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 03/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước; Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động thương binh xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước;

- Tổng quỹ tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc kiêm TV HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát phụ thuộc vào Quỹ lương của Người quản lý năm 2021.

2.2. Quỹ khen thưởng Người quản lý

Quỹ khen thưởng Người quản lý: 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách với điều kiện lợi nhuận sau thuế thực hiện tối thiểu bằng kế hoạch.

Điều 9.

Thông qua *Tờ trình v/v phê duyệt Đơn vị kiểm toán các BCTC năm 2021*, với nội dung: Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C – Chi nhánh Hà Nội thực hiện kiểm toán cho báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2021.

Điều 10.

1. Thông qua *Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.*

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoàn thiện các điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ mẫu, thực hiện ban hành chính thức Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới và thay thế cho Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành.

2. Phê duyệt *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.*

Giao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát điều chỉnh, ban hành chính thức Quy chế hoạt động phù hợp với Điều lệ chính thức đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua.

Điều 11.

Thông qua *Tờ trình về việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh Công ty*, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh mã ngành

Đại lý, môi giới, đấu giá trừ lúa, gạo và các loại hàng hóa không được thực hiện quyền phân phối theo PL 03, TT34/2013- mã ngành 4610.

2. Bãi bỏ các mã ngành

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng – mã ngành 4649.

Bán buôn chuyên doanh khác; Chi tiết: Bán buôn nguyên phụ liệu sản xuất – mã ngành 4669.

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải, máy móc – mã ngành 4659

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy – mã ngành 5222

3. Việc điều chỉnh, bãi bỏ các ngành nghề kinh doanh trên sẽ được cập nhật trong Điều lệ công ty.

4. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh v/v điều chỉnh ngành nghề kinh doanh nêu trên theo quy định pháp luật.

Điều 12.

Thông qua *Tờ trình v/v tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty*, với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư theo quy định pháp luật từng thời kỳ.

Giao Hội đồng quản trị, Giám đốc thực hiện đăng ký theo quy định pháp luật v/v tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với cổ phiếu Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình và thực hiện sửa đổi Điều lệ (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 13.

Thông qua *Tờ trình về việc hợp đồng, giao dịch của Công ty với công ty của người nội bộ hoặc liên quan đến người nội bộ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông*

1. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

(1) Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, (2) Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng; (3) Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng; (4) Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần; (5) Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng; (6) Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng; (7) Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng – STC; (8) Công ty CP Tiếp Vận Thành Long; (9) Công ty cổ phần CP ICD Tân Long; (10) Công ty CP Tiếp Vận Long Bình; (11) Ngân hàng TMCP Quân đội; (12) Công ty CP Tổng công ty Tín Nghĩa; (13) Các công ty khác thuộc hệ thống của công ty mẹ, công ty liên kết là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

2. **Nội dung hợp đồng, giao dịch với các công ty trên bao gồm:** Thuê CSHT, cung cấp/ nhận cung cấp các dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa; đại lý khai thuê hải quan, vận tải hàng hóa; các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; dịch vụ đóng gói; dịch vụ phân phối hàng nội địa, bốc xếp, đóng rút hàng; vệ sinh, sửa chữa container; thuê/ cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; thuê/ cho thuê bãi, văn phòng làm việc; hợp tác kinh doanh; cung cấp các dịch vụ đào tạo, giải pháp công nghệ thông tin, chăm sóc, bảo đảm cây xanh – môi trường... và các dịch vụ khác thuộc phạm vi hoạt động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật đối với các giao dịch nội bộ nêu trên.

Điều 14.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình có trách nhiệm giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Lưu: Hồ sơ Đại hội.



FRAN TRIỆU PHÚ